| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÍ LINH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 13/2020/ HNGĐ- ST<br>Ngày: 26/5/2020<br>"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn " | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bạn

2. Ông Phạm Phúc Ân

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà 10, đường B, khu dân cư N 1, phường S, thành phố C, tỉnh H; Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Quách An M, sinh năm 1949

Địa chỉ: Khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chị Lưu Thị L trình bày:

Chị L và anh M kết hôn ngày 07 tháng 7 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh H. Khi đó, chị L 34 tuổi, anh M 57 tuổi. Anh M đã từng có một đời vợ, sau đó mất vì bệnh tim và 5 con riêng. Chị L và anh M có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau. Anh chị có tổ chức lễ cưới ra mắt họ hàng hai bên. Sau đó, chị L về nhà anh M sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng việc ăn ở, sinh hoạt hằng ngày, đối xử với gia đình hai bên. Theo chị L, anh M không quan tâm chăm sóc vợ con, cũng như công việc bên gia đình nhà chị. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau một lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau về tiền nong, chị đã đưa con về nhà ngoại sinh sống từ năm 2013. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh Mô không tìm đón chị và con về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Mô.

Anh M thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L ở nhà anh nhưng không chu toàn công việc gia đình mà thường xuyên về ngoại sinh sống. Lúc chị L ở nhà thì lại luôn tra khảo anh về việc tiền nong. Kể từ năm 2013, chị L đã đưa con của vợ chồng về nhà mẹ đẻ ở phường S, thành phố C sinh sống. Tuy vậy, anh M chỉ trình bày quan điểm nhưng không ký kết các văn bản của Tòa án lập và tống đạt. Lý do theo anh M là anh chị không đăng ký kết hôn nên chị L muốn ly hôn anh thì cũng tự bỏ. Anh xác định chị L không phải vợ anh trên cơ sở pháp lý.

Về con chung: Chị L và anh M có 01 con chung là Quách Sơn T, sinh ngày 23/11/2006, hiện đang ở với chị L. Nếu vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh M không trình bày về con chung.

Về tài sản, nợ: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M không trình bày quan điểm về tài sản chung và nợ.

Qua xác minh với cán bộ tư pháp UBND phường V, cơ sở khu dân cư B, phường V, thành phố C, tỉnh H, bà Nguyễn Thị G- mẹ đẻ chị L, bà Nguyễn Thị C-mẹ đẻ anh M(Bà C chỉ trình bày quan điểm nhưng không ký kết văn bản) thể hiện: Chị L và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh H vào ngày 7 tháng 7 năm 2006 và đã được ghi nhận tại trang số 1, số thứ tự 52 ở sổ đăng ký kết hôn năm 2006 của UBND phường V. Anh M và chị L có được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình anh chị sinh sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh chị bất đồng về việc quản

lý kinh tế, chi tiêu trong gia đình. Chị L đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến năm 2013, chị L đưa con về ở hẳn nhà mẹ đẻ, anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh M đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật. Chị L và anh M có 01 con chung là Quách Sơn T, sinh ngày 23/11/2006, nếu anh chị ly hôn thì Tòa án giao con chung cho chị L hay anh M nuôi dưỡng thì bà G mẹ đẻ chị L hay bà C mẹ đẻ anh M sẽ hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa:

Chị L, anh M đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh M. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Quách Sơn T, sinh ngày 23/11/2006 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lưu Thị L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Quách An M có địa chỉ cư trú tại phường V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Quách An M là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, chị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị L và anh Quách An M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận, đến tháng 8 năm 2013 phát sinh mâu thuẫn với lý do anh chị thiếu lòng tin với nhau về kinh tế. Anh chị có xảy ra mâu thuẫn, chửi bới, xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau. Từ đó, chị L bỏ về nhà ngoại sinh sống, anh chị không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện do anh chị bỏ mặc nhau, không còn coi nhau là vợ chồng. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Anh M không trình bày quan điểm về việc chị L xin ly hôn nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng. Khi Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị, anh M không tham gia hòa giải. Hơn nữa, việc anh M không trình bày quan điểm, không ký kết các văn bản của Tòa án tống đạt nhằm gây khó khăn cho chị L. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng của chị L đề nghị giao cháu Quách Sơn T sinh ngày 23/11/2006 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ, phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Chị L hiện đang làm công ty may M, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng, cháu T sinh sống cùng chị L từ nhỏ đến nay. Anh M không trình bày quan điểm về việc nuôi con khi vợ chồng ly hôn nhưng kể từ năm 2013 anh M cũng không gặp gỡ, quan tâm, chăm sóc cháu T nên giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với điều kiện sinh sống thực tế của anh chị. Về cấp dưỡng: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị L và anh M không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị L ly hôn anh Quách An M.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Quách Sơn T, sinh ngày 23/11/2006 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh M quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị L phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006262 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND thành phố C;
- UBND phường V, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Thu Hương**